TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 69/2026/QĐST-HNGĐ	*Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 143/2026/TLST-HNGĐ, ngày 21/4/2026, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Mỹ C, sinh năm 1993; số Căn cước công dân 051193011724; địa chỉ: Tổ dân phố H, Phường T, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Lâm Đ, sinh năm 1988; số Căn cước điện tử 051088012455; địa chỉ Thôn L, xã T, tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2026,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Mỹ C và anh Huỳnh Lâm Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Lê Thị Mỹ C và anh Huỳnh Lâm Đ có 01 con chung là cháu Lê Huỳnh Gia T, sinh ngày 18/12/2016. Hiện nay, cháu T đang ở với anh Đ. Chị Lê Thị Mỹ C và anh Huỳnh Lâm Đ thống nhất thoả thuận giao cháu Lê Huỳnh Gia T cho anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 1.500.000 đồng *(một triệu, năm trăm nghìn đồng)*; thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 7/2026 cho đến khi

cháu T đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung, về nợ chung: Chị Lê Thị Mỹ C và anh Huỳnh Lâm Đ thống nhất trình bày không có.

2.4. Về án phí: Chị Lê Thị Mỹ C tự nguyện chịu 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí ly hôn và 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí chị C đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001710 ngày 21/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 1- Quảng Ngãi;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã Tịnh Thiện (nay thuộc xã Tịnh Khê, tỉnh Quảng Ngãi);
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tiến Dũng